

Số: 48 /GPMT-UBND

Đồng Nai, ngày 27 tháng 5 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 02/GPMT-ĐNXT ngày 21 tháng 02 năm 2024; Văn bản số 01/2024/MT-ĐTMT ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Công ty TNHH Chăn nuôi Ngọc Thiên Phúc về việc giải trình, bổ sung hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở "Trang trại chăn nuôi heo nái, quy mô 1.200 con" tại xã Xuân Tây, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 237/TTr-STNMT ngày 13 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Chăn nuôi Ngọc Thiên Phúc, địa chỉ tại tổ 19, ấp Bể Bạc, xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của "Trang trại chăn nuôi heo nái, quy mô 1.200 con" tại ấp 3, xã Xuân Tây, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trang trại chăn nuôi heo nái, quy mô 1.200 con.

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp 3, xã Xuân Tây, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp 3603417617 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2016, do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3603417617.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: chăn nuôi heo nái.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở được cấp phép:

- Phạm vi: Diện tích khu đất dự án 49.762,7 m².

- Quy mô:

+ Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

+ Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Công suất: 1.200 con heo nái.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Chăn nuôi Ngọc Thiên Phúc:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Chăn nuôi Ngọc Thiên Phúc có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Từ ngày 27 tháng 5 năm 2024 đến ngày 27 tháng 5 năm 2034).

Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Xây dựng trang trại chăn nuôi heo nái diện tích chuồng trại là 12.400 m², quy mô 1.200 con” tại xã Xuân Tây, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH Chăn nuôi Ngọc Thiên Phúc hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Chăn nuôi Ngọc Thiên Phúc;
- Q. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Cẩm Mỹ;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 48 /GPMT-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên.
- Nguồn số 02: Nước sát trùng.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi bao gồm: Nước thải vệ sinh, xịt rửa chuồng trại, nước tiểu heo.

1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải.

1.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Cạn (nằm cạnh cơ sở) tại xã Xuân Tây, huyện Cẩm Mỹ sau đó chảy ra Xéch và ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Ray.

1.2.2. Vị trí xả nước thải:

- Nước thải được dẫn ra suối Cạn bằng đường ống nhựa PVC D90 với chiều dài khoảng 14 m.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 1198611, Y: 454324 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°).
- Điểm xả thải phải có tọa độ, biển báo thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

1.2.3. Lưu lượng xả nước thải tối đa: Khoảng 130 m³/ngày; lưu lượng tái sử dụng: 31,33 m³/ngày.

1.2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy

1.2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24/24

1.2.3.2. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6 - 9	Không thuộc đối tượng quan trắc
2	BOD ₅	mg/l	39,6	

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 62- MT:2016/BTNMT cột A, $K_q = 0,9; K_f = 1,1$	Tần suất quan trắc định kỳ
3	COD	mg/l	99	định kỳ
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	49,5	
5	Tổng Nitơ (theo N)	mg/l	49,5	
6	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	3000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước mưa từ mái tôn công trình được thu gom vào máng thu nước mưa, theo các ống PVC Φ90, chảy xuống hệ thống mương hở và các hố ga được xây dựng dọc theo khuôn viên của trang trại, tại mỗi hố ga có bố trí các song chắn rác và nắp đan bảo vệ an toàn. Nước mưa chảy tràn Xây dựng hệ thống các mương, rãnh thoát nước xung quanh các khu vực chuồng trại, khuôn viên, văn phòng,... tập trung nước mưa từ mái nhà đổ xuống và dẫn đến hệ thống mương D400 đầy nắp đan với chiều dài tuyến thu gom khoảng 700 m. Nước mưa theo hệ thống cống dẫn (xây dựng dốc theo độ dốc địa hình) thoát vào suối cạn nằm cạnh ranh giới cơ sở tại 01 vị trí, sau đó nước mưa chảy vào suối Xếch, rồi chảy tiếp khoảng 04 km vào nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Ray (sông Ray cách cơ sở 07 km).

- Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở để xử lý. Trang trại có 03 bể tự hoại 3 ngăn tại các khu vực nhà điều hành, nhà ở công nhân và nhà bảo vệ với thể tích 15 m³/bể bằng vật liệu BTCT để xử lý sơ bộ nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, Trang trại sử dụng tuyến đường ống thu gom nước thải kết cấu PVCØ114 với chiều dài tuyến ống khoảng 400 m để thu gom, thoát nước thải sau bể tự hoại dẫn về khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

- Nước sát trùng từ nhà sát trùng, hố xác trùng xe, người ra vào trang trại phần lớn lượng nước này sẽ được bay hơi một phần. Định kỳ Công ty sẽ bổ sung một lượng nước bị thất thoát khi có xe, người ra vào và bay hơi và phần cặn lắng còn lại do nước khá ít không đủ chảy về hệ thống. Do đó 01 tuần/lần công nhân sẽ thu gom thủ công và chứa trong các thùng chứa dung tích 70 lít, sau đó đưa về hố gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của trại.

- Nước thải chăn nuôi: Nước thải chăn nuôi (bao gồm nước thải vệ sinh, xịt rửa chuồng trại, nước tiểu heo) từ các chuồng nuôi được thu gom bằng tuyến đường ống PVC Ø220 dẫn vào hệ thống tuyến mương BTCT gom nước thải

chung của cơ sở chạy dọc theo các dãy chuồng trại. Tuyến mương thu gom, thoát nước thải chăn nuôi chung của cơ sở có kết cấu BTCT, chiều dài tuyến 550m dẫn về hồ thu gom phân chảy qua bể Biogas.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Tóm tắt quy trình công nghệ : Nước thải → bể thu gom → hầm biogas → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí 1 → bể thiếu khí 2 → tháp lắng sinh học 1, 2 → bể hóa lý tạo bông → bể lắng + khử trùng → bể trung gian → Cột lọc → chứa tại hồ chứa có lót bạt chống thấm → tái sử dụng một phần để vệ sinh chuồng trại, phần còn lại xả thải ra suối Cạn, chảy vào suối Xéch → Sông Ray.

- Công suất thiết kế: 200 m³/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC; Polymer; Clorine.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước thải: không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất, bố trí máy bơm dự phòng công suất tương đương để thay thế bơm xử lý nước thải khi có sự cố.

- Đối với hầm biogas: Thường xuyên theo dõi, vệ sinh hầm biogas và thực hiện nạo vét, sửa chữa định kỳ hệ thống đường ống, ống dẫn khí để có biện pháp khắc phục kịp thời cũng như bảo đảm an toàn cho trại chăn nuôi. Định kỳ phải tiến hành hút cặn từ hầm biogas và giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải: Hệ thống xử lý nước thải khi gặp sự cố thì toàn bộ lượng nước thải phát sinh sẽ được lưu chứa tại bể điều hoà để tạm thời lưu giữ nước thải, chờ khắc phục sự cố xong sẽ bơm nước thải về hệ thống xử lý để tiếp tục xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của trại chăn nuôi bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường và tái sử dụng để vệ sinh chuồng trại; không tái sử dụng nước thải chưa xử lý và không xả nước thải chưa xử lý ra môi trường; công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.2. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường. Theo dõi, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải. Nghiêm cấm việc xả nước thải hoặc các chất thải khác vào hệ thống thoát nước mưa.

3.3. Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và các quy định pháp luật khác có liên quan. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các bể chứa nước thải đầu vào, đầu ra sau xử lý, các bể xử lý nước thải; trường hợp gặp sự cố Chủ dự án báo cáo ngay cho cơ quan có chức năng kịp thời xử lý và thực hiện các biện pháp khắc phục tránh nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất, nước dưới đất.

3.4. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



Phụ lục 2

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 48 /GPMT-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do dự án không phát sinh khí thải tại nguồn, không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

1. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi từ chuồng chăn nuôi, khu vực xử lý nước thải, khu vực lưu giữ chất thải.

2. Theo dõi, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của dự án, tránh phát sinh mùi từ các bể xử lý sinh học; thực hiện các biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp phát sinh mùi hôi ảnh hưởng tới người dân sống gần khu vực dự án.

3. Thường xuyên thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ chuồng chăn nuôi, khu vực xử lý nước thải, khu vực lưu giữ chất thải.



Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 48 /GPMT-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực sau quạt hút dây chuồng nuôi heo hậu bị.
- Nguồn số 02: Khu vực sau quạt hút dây chuồng nuôi heo nọc.
- Nguồn số 03: Khu vực sau quạt hút dây chuồng nuôi heo phối giống.
- Nguồn số 04: Khu vực sau quạt hút dây chuồng nuôi heo mang thai.
- Nguồn số 05: Khu vực sau quạt hút dây chuồng nuôi heo nái đẻ.
- Nguồn số 06: Khu vực sau quạt hút nhà heo nái đẻ ½.
- Nguồn số 07: Khu vực sau quạt hút dây chuồng nuôi heo cách ly.
- Nguồn số 08: Khu vực sau quạt hút nhà heo đực giống lấy tinh.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X: 1198605, Y: 454331
- Nguồn số 02: Tọa độ: X: 1198624, Y: 454345
- Nguồn số 03: Tọa độ: X: 1198636, Y: 454305
- Nguồn số 04: Tọa độ: X: 1198615, Y: 454322
- Nguồn số 05: Tọa độ: X: 1198636, Y: 454340
- Nguồn số 06: Tọa độ: X: 1198637, Y: 454346
- Nguồn số 07: Tọa độ: X: 1198637, Y: 454362
- Nguồn số 08: Tọa độ: X: 1198624, Y: 454340

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phát sinh được xử lý không để ảnh hưởng đến khu vực xung quanh theo đúng QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Các máy móc thiết bị được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường lao động.

- Các xe vận chuyển thuộc tài sản của trang trại phải thường xuyên được bảo dưỡng, kiểm tra độ mòn chi tiết thường kỳ, cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.

- Hạn chế nhập/xuất heo vào ban đêm, giờ tan ca để giảm thiểu tác động do tiếng ồn đến khu vực xung quanh.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực để giảm lan truyền tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp đặt đệm chống rung đối với các máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động chăn nuôi.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 48 /GPMT-UBND ngày 27 tháng 5 năm
2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất
thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

- Khối lượng phát sinh: 2.224 kg/năm.

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	14 02 02	Rắn	325	KS
2	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	12 06 05	Rắn	610	-
3	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 02 01	Rắn	550	NH
4	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại (hóa chất, thuốc thú y, thuốc sát trùng hết thời hạn,...)	13 02 02	Rắn/lỏng	236	KS
5	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	85	NH
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	18 01 01	Rắn	65	KS
7	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	Rắn	72	KS
8	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	18 01 03	Rắn	81	KS
9	Bao bì cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	18 01 04	Rắn	56	KS

10	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	140	KS
11	Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	4	NH
Tổng				2.224	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng phát sinh: 364.773,2 kg/năm

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Pallet gỗ hư hỏng	09 01 02	58	TT-R
2	Bao bì, thùng carton, giấy loại bỏ từ văn phòng	09 03 04	125	TT
3	Bao bì đựng thức ăn, bao bì đựng cám	18 01 11	1.525	TT-R
4	Phân heo	14 01 12	359.773,2	TT
5	Heo chết không do dịch bệnh	-	3.290	-
6	Hộp chứa mực in (mực in văn phòng)	08 02 08	2	TT
Tổng cộng			364.773,2	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	1,6
2	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm tái chế	0,4
3	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	1,1
Tổng khối lượng		3,1

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa chứa chuyên dụng có nắp đậy dung tích chứa 120 lít.

2.1.2. Khu lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 60 m²

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Có mái che, tường bao xung quanh, nền bê tông, có rãnh và hố ga thu gom chất thải lỏng trong thùng hợp chảy tràn và bố trí các thùng nhựa có nắp đậy dung tích chứa 120 lít để lưu

chứa, phân loại chất thải nguy hại có thực hiện dán nhãn, mã chất thải, dấu hiệu cảnh báo nguy hại để lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh tại trại.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bố trí 01 nhà chứa phân có diện tích 600 m².
- Diện tích khu lưu giữ chất thải tạm thời: 60 m², lưu giữ chất thải thông thường.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Có mái che, tường bao xung quanh, nền bê tông che bằng tôn.
- Bố trí 01 nhà nấu heo chết (không do dịch bệnh) với diện tích 10 m².

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1 Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 120 lít.

2.3.2. Kho lưu chứa trong nhà

- Diện tích nhà lấy rác: 54 m², chung với khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Mái che bằng tôn, tường bao xung quanh, nền bê tông.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì đường ống, thiết bị, bố trí máy bơm thay thế.

- Thường xuyên theo dõi, vệ sinh hầm biogas và thực hiện nạo vét, sửa chữa định kỳ hệ thống đường ống, ống dẫn khí để có biện pháp khắc phục kịp thời cũng như bảo đảm an toàn cho trại chăn nuôi. Định kỳ tiến hành hút cặn từ hầm biogas.

- Hệ thống xử lý nước thải khi gặp sự cố thì toàn bộ lượng nước thải phát sinh sẽ được bơm ngược về hồ điều hòa (có thể tích khoảng 5000 m³) có lót bạt HDPE để lưu chứa, đảm bảo không thải nước thải chưa qua xử lý ra ngoài môi trường.

- Bố trí kho lưu giữ chất thải nguy hại và kho lưu giữ chất thải thông thường riêng biệt, cách ly với các khu vực khác trong trại.

- Xây dựng kho lưu giữ có mái che, nền bê tông, tường chắn nhằm hạn chế khả năng nước mưa tạt vào kho cuốn theo các chất thải gây ô nhiễm môi trường.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường và chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định.

- Bố trí máy phát điện chạy bằng dầu DO để phòng ngừa sự cố mất điện.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 48 /GPMT-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Xây dựng trang trại chăn nuôi heo nái diện tích chuồng trại là 12.400 m², quy mô 1.200 con” tại xã Xuân Tây, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai; không còn hạng mục và công trình bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của cơ sở.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Công khai, minh bạch vị trí đầu nổi nước mưa, nước thải của cơ sở.

4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định.

5. Trong quá trình hoạt động nếu Cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến các cơ quan có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố, rủi ro trong quá trình thực hiện.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.



7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.